

Bản án số: 18/2018/HNGĐ - ST.

Ngày: 27 - 8 - 2018.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thuận.

2. Ông Nguyễn Kim Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXX - ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Phi N; sinh năm 1982; địa chỉ: Đường C, khóm x, phường x, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng C; sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 01/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Phi N trình bày: Bà N và ông Nguyễn Hoàng C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2006 và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 05/2008, quyển số I, ngày 03/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống từ đó thường xuyên cãi vã qua lại nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà N và ông C sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, sau khi sống ly thân bà N và ông C không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà

N và ông C có 01 người con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2010 hiện nay sống chung với bà N; về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Dương Thị Phi N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C; về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng C: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông C nhưng ông C không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông C 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông C vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng C đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng C chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Dương Thị Phi N và ông Nguyễn Hoàng C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Dương Thị Phi N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C; về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Hoàng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Dương Thị Phi N và ông Nguyễn Hoàng C tự nguyện kết hôn vào năm 2006 và được Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 05/2008, quyển số I, ngày 03/01/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bà N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống từ đó thường xuyên cãi vã qua lại

nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sau khi sống ly thân bà N và ông C không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà N và ông C đoàn tụ với nhau nhưng ông C vẫn vắng mặt và bà N, tình trạng của vợ chồng bà N và ông C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà N xin ly hôn với ông C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông C.

[3] Về con chung: Bà Dương Thị Phi N xác định trong thời gian chung sống, bà N và ông C có 01 người con chung là Nguyễn Hoàng Phong, sinh ngày 18/6/2010; bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi bà N và ông C sống ly thân cho đến nay cháu P do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà N khẳng định đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho cháu P; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án khi ghi nhận ý kiến của cháu P thì cháu có nguyện vọng được sống chung với bà N. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải giao cháu P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P. Ngoài ra, căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Nguyễn Hoàng C mà không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị Phi N khẳng định đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng P và không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng C cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Phi N xác định trong thời gian chung sống bà N và ông Nguyễn Hoàng C không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Dương Thị Phi N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hoàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Phi N và ông Nguyễn Hoàng C được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2010 cho bà Dương Thị Phi N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Nguyễn Hoàng C không phải cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông C mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Phi N xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Phi N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003131 ngày 11/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy bà N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hoàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Cẩm Nhung